

Số: /QĐ-UBND

Lạng Sơn, ngày tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình
Sửa chữa, Cải tạo mở rộng Trường THPT chuyên Chu Văn An**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 391/QĐ-UBND ngày 13/3/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng và kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình Sửa chữa, Cải tạo mở rộng Trường THPT chuyên Chu Văn An, thành phố Lạng Sơn;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 312/TTr-SXD ngày 24/11/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình Sửa chữa, cải tạo mở rộng Trường THPT chuyên Chu Văn An, cụ thể như sau:

1. Các nội dung bổ sung: bổ sung hạng mục công trình nhà để xe (diện tích 585m²), bố trí dọc theo tường ranh giới phía Tây - Bắc khuôn viên khu đất dự án (đoạn từ nhà bảo vệ đến nhà đa năng).

a) Công trình sử dụng khung thép, mái lợp tôn cao 01 tầng, mặt bằng nhà hình chữ nhật, kích thước tim cột (8,5x62,125)m; cột cao từ (2,123-2,4)m, mái dốc lợp tôn.

b) Hệ cột bằng thép ống mạ kẽm đường kính d=90mm, dày 2,1mm; hệ vì

kèo bằng thép $d=60\text{mm}$, dày $1,8\text{mm}$; các thanh giằng giữa hệ cột và vì kèo bằng thép ống mạ kẽm đường kính $d=34\text{mm}$, dày $1,4\text{mm}$; hệ xà gồ bằng thép hộp mạ kẽm $(30 \times 60)\text{mm}$, dày $1,4\text{mm}$. Móng cột bằng bê tông xi măng mác 200; liên kết chân cột và móng bằng thép bản mã và bu lông.

c) Mái lợp tôn múi, dày $0,42\text{mm}$. Nền bằng bê tông xi măng mác 150, dày 15cm ; mặt nền cao $+0,15\text{m}$ so với mặt sân, dốc về phía rãnh thu nước hiện trạng của dự án.

2. Điều chỉnh thiết bị trường học

a) Điều chỉnh giảm: giảm thiết bị bàn, ghế của phòng lớp học, phòng thí nghiệm, phòng công nghệ (may, khâu) để phù hợp với nhu cầu thực tế của nhà trường mỗi lớp học 36 học sinh và tuân thủ theo quy định tại Thông tư số 06/2012/TT-BGDĐT ngày 15/02/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường trung học phổ thông chuyên, cụ thể:

- Phòng lớp học (đã phê duyệt 30 lớp, điều chỉnh 28 lớp), điều chỉnh giảm thiết bị do giảm số lượng học sinh trong mỗi lớp như sau:

+ Bàn, ghế giáo viên và bảng: tổng số giảm từ 30 bộ thành 28 bộ.

+ Bàn học sinh: tổng số giảm từ 600 cái thành 504 cái.

+ Ghế học sinh: tổng số giảm từ 1.200 cái thành 1.008 cái.

- Phòng thí nghiệm vật lý, hoá học, sinh học (phê duyệt mỗi loại 01 phòng), điều chỉnh giảm thiết bị do giảm số lượng học sinh trong mỗi lớp như sau:

+ Bàn thí nghiệm: tổng số giảm từ 30 cái thành 18 cái.

+ Ghế thí nghiệm: tổng số giảm từ 120 cái thành 108 cái.

- Phòng công nghệ may, khâu (đã phê duyệt 01 phòng): nhà trường không bố trí phòng công nghệ may, khâu, do đó giảm trừ toàn bộ các thiết bị đã phê duyệt, gồm: bàn, ghế thực hành giáo viên (01 bộ); bàn thực hành học sinh (20 cái); ghế thực hành học sinh (40 cái); máy khâu (20 máy).

- Tổng giá trị thiết bị giảm: 445.750.000 đồng.

b) Điều chỉnh tăng:

- Phòng tổ bộ môn (đã phê duyệt 05 phòng, điều chỉnh 07 phòng), điều chỉnh tăng thiết bị do tăng số lượng phòng như sau:

+ Bàn làm việc: tổng số tăng từ 20 cái thành 28 cái.

+ Ghế ngồi: tổng số tăng từ 30 cái thành 42 cái.

+ Tủ tài liệu: tổng số tăng từ 20 tủ thành 28 tủ.

- Phòng ngoại ngữ (đã phê duyệt 01 phòng, điều chỉnh 02 phòng), điều chỉnh tăng thiết bị do tăng số lượng phòng như sau:

+ Máy tính và phụ kiện: tổng số tăng từ 21 bộ thành 42 bộ.

+ Máy chiếu: tổng số tăng từ 01 cái thành 02 cái.

- + Bàn, ghế giáo viên: tổng số tăng từ 01 bộ thành 02 bộ.
- + Ghế học sinh: tổng số tăng từ 40 cái thành 80 cái.
- Tổng giá trị thiết bị tăng: 438.670.000 đồng.

3. Điều chỉnh tổng mức đầu tư

a) Kinh phí điều chỉnh, bổ sung: 845.100.995 đồng, trong đó:

- Chi phí giải phóng mặt bằng: 350.883.981 đồng;
- Chi phí xây dựng: 438.670.000 đồng;
- Chi phí quản lý dự án: 21.396.913 đồng;
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: 28.745.245 đồng;
- Chi phí khác: 5.404.856 đồng.

b) Tổng mức đầu tư sau điều chỉnh: 27.675.178.323 đồng, trong đó:

- Chi phí xây dựng: 19.635.670.981 đồng;
- Chi phí thiết bị: 4.901.540.000 đồng;
- Chi phí quản lý dự án: 543.431.913 đồng;
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: 1.682.148.245 đồng;
- Chi phí khác: 874.747.856 đồng;
- Chi phí dự phòng: 37.639.328 đồng.

Điều 2. Các nội dung khác không đề cập tại Quyết định này giữ nguyên theo Quyết định số 391/QĐ-UBND ngày 13/3/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Sở Xây dựng, Sở Giáo dục và Đào tạo theo chức năng, nhiệm vụ chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật và trước Chủ tịch UBND tỉnh về tính hợp pháp, sự đầy đủ và chính xác của nội dung, hồ sơ trình phê duyệt.

2. Sở Giáo dục và Đào tạo (Chủ đầu tư) có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện các bước tiếp theo của dự án theo quy định hiện hành.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Xây dựng, Giáo dục và Đào tạo; Giám đốc Kho bạc Nhà nước khu vực VI và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ban Kinh tế - Ngân sách (HĐND tỉnh);
- Các PCVP UBND tỉnh, các phòng CM, Trung tâm Thông tin;
- Lưu: VT, KTCN(CVĐ).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Thanh Nhân